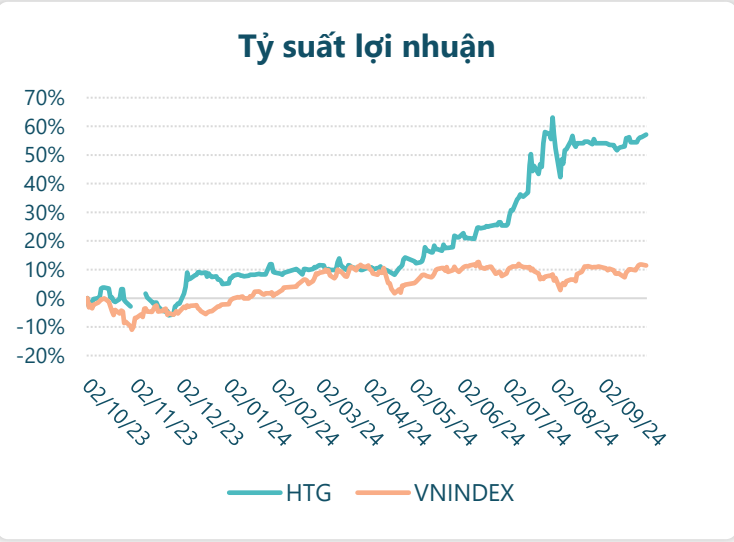


Ngày	43,850 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.0%	22.0%	41.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,579
Số lượng CPLH (CP)	36,002,708
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,660
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.48
EPS	6,126
P/E	7.2



Doanh thu thuần
Q3/24

1,498

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 404 | 37.0%

YoY: ▲ 228 | 18.0%

Nợ/VCSH
Q3/24

193%

YoY: +/- ▼ 40.2%

LN gộp
Q3/24

165

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0 | 9.1%

YoY: ▲ 23.0 | 16.0%

ROE (TTM)
Q3/24

24.2%

YoY: +/- ▼ 0.2%

LN trước thuế
Q3/24

93.0

tỷ VNĐ

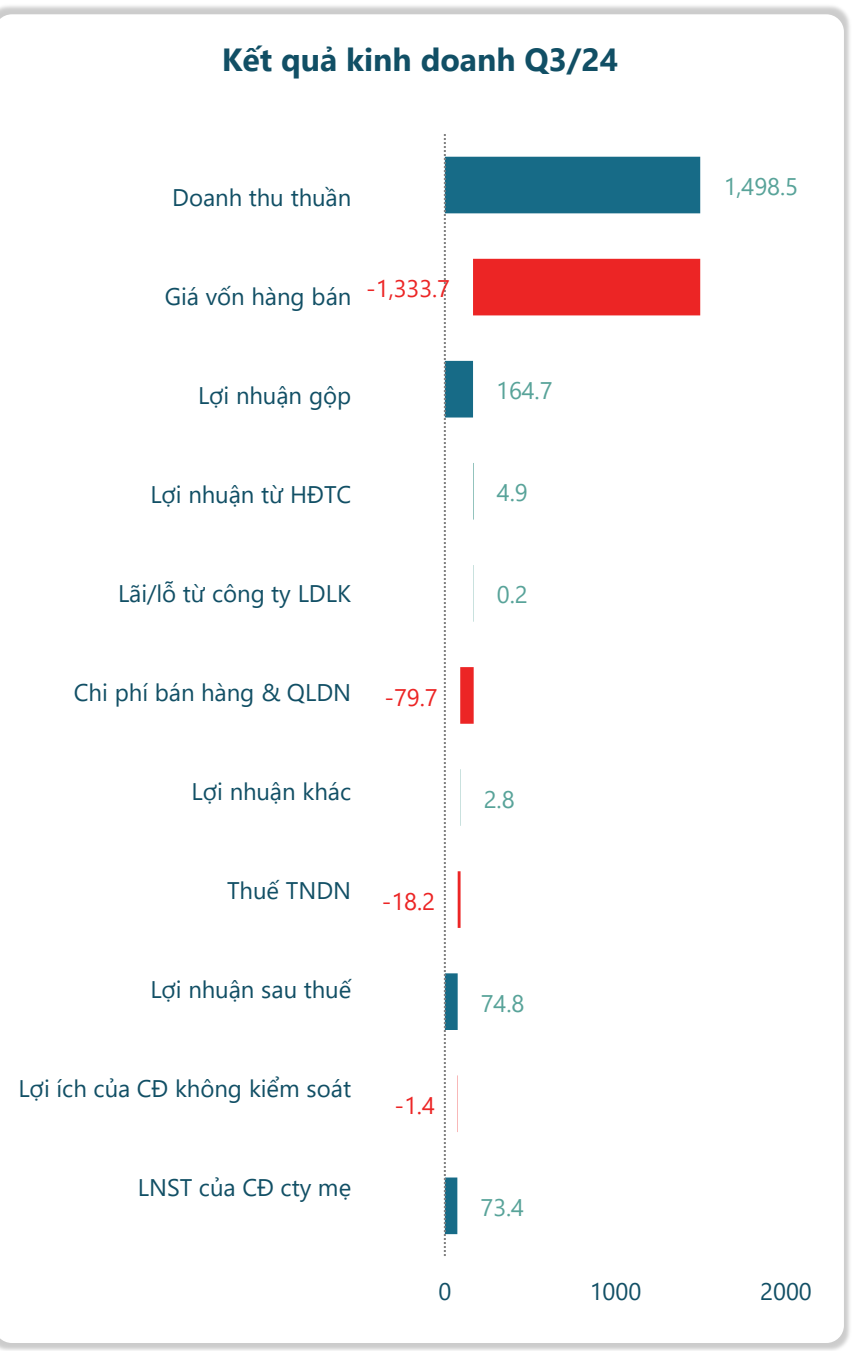
QoQ: ▲ 5.70 | 6.5%

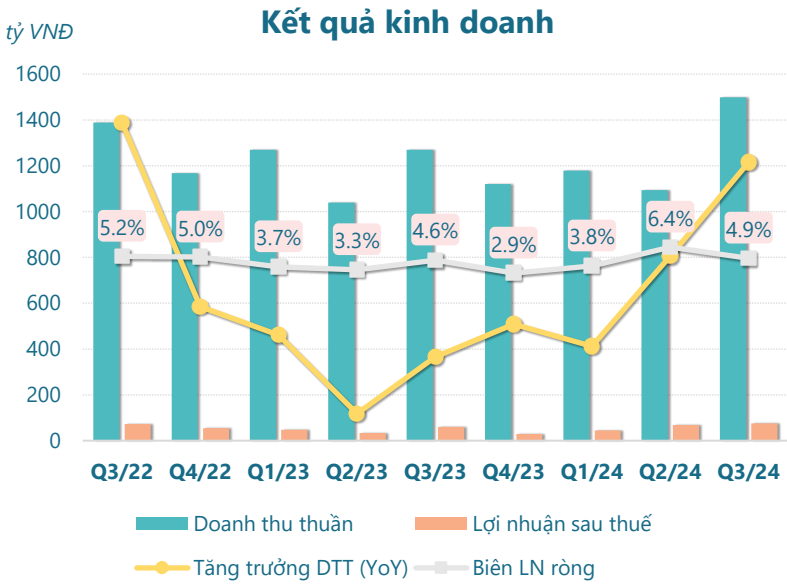
YoY: ▲ 18.4 | 24.7%

ROA (TTM)
Q3/24

8.4%

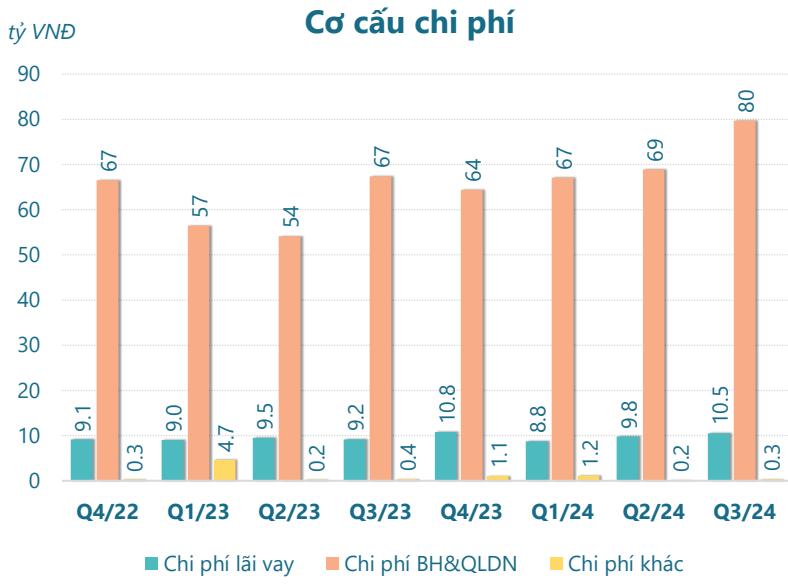
YoY: +/- ▲ 0.6%





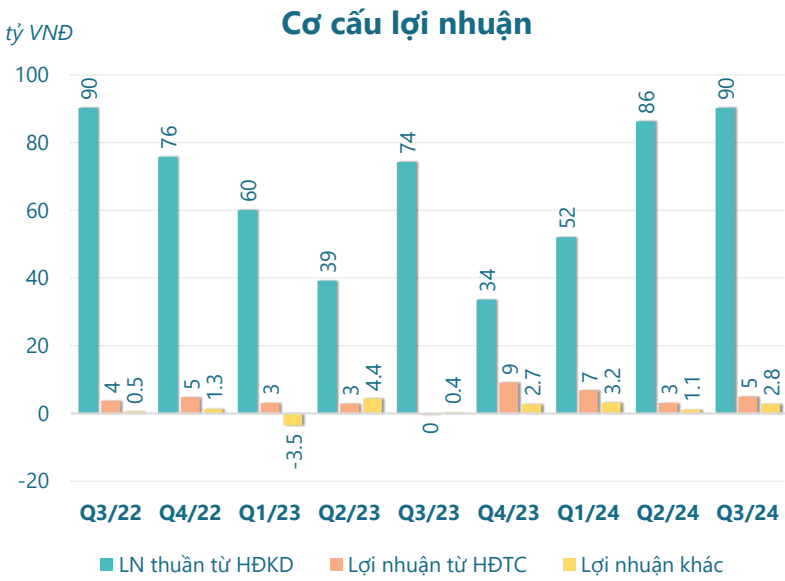
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 90.19 tỷ đồng**, tăng thêm 4.62% so với kỳ trước và cao hơn 21.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 4.95 tỷ đồng**, tăng thêm 62.8% so với kỳ trước và tăng thêm 5.23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 2.81 tỷ đồng**, tăng thêm 158% so với kỳ trước và cao hơn 659% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **HTG** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,498 tỷ đồng** tăng thêm **18.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 74.82 tỷ đồng, tăng trưởng 25.6%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **3,772 tỷ đồng** cao hơn 5.36% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 188.0 tỷ đồng** cao hơn 33.3% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **10.53 tỷ đồng** tăng thêm 7.45% so với kỳ trước và cao hơn 14.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **79.71 tỷ đồng** tăng thêm 15.7% so với kỳ trước và cao hơn 18.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.32 tỷ đồng** tăng thêm 68.4% so với kỳ trước và thấp hơn 13.5% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,498	1,094	37.0%	1,270	18.0%	3,772	3,580	5.4%
Giá vốn hàng bán	1,334	943	41.4%	1,128	18.2%	3,344	3,236	3.3%
Lợi nhuận gộp	165	151	9.1%	142	16.0%	428	344	24.5%
Doanh thu HĐTC	27.5	25.2	9.3%	17.7	55.6%	75.7	54.6	38.7%
Chi phí TC	22.6	22.1	2.3%	18.0	25.5%	60.9	48.9	24.5%
Chi phí lãi vay	10.5	9.80	7.4%	9.19	14.6%	29.1	27.7	4.9%
LN trong công ty LKLD	0.21	0.84	-74.6%	0.22	-3.0%	1.42	2.05	-30.6%
Chi phí bán hàng	31.5	26.4	19.3%	24.4	29.1%	82.7	63.3	30.8%
Chi phí QLDN	48.2	42.5	13.5%	43.0	12.2%	133	115	15.8%
LN thuần từ HĐKD	90.2	86.2	4.6%	74.3	21.4%	228	173	31.7%
Lợi nhuận khác	2.81	1.09	158%	0.37	660%	7.11	1.25	468%
LN trước thuế	93.0	87.3	6.5%	74.6	24.7%	236	175	34.8%
Lợi nhuận sau thuế	74.8	69.1	8.3%	59.6	25.5%	188	141	33.6%
LNST của CĐ cty mẹ	73.4	70.0	4.9%	58.9	24.6%	189	141	34.0%

